BỘ CÔNG THƯƠNG
CTCP - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

Số: 533 /BC-VTRI
V/v: Tình hình quản trị doanh nghiệp và kết quả hoạt động SXKD của CTCP-Viện Nghiên cứu Dệt May Quý II năm 2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2020

Kính gửi: **- Bộ Công Thương;**
- Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp – Bộ Công Thương,

- Tên doanh nghiệp: **Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May.**
- Địa chỉ trụ sở chính: 478 Minh Khai, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100294 Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 10/10/2018.
- Ngành nghề kinh doanh chính được phê duyệt: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.
- Số điện thoại: 024.38624025; Fax: 024.38622867;
- Email: info@viendetmay.org.vn
- Vốn điều lệ là 50.000.000.000 đồng, trong đó:
  + Vốn Nhà nước: 28.727.000.000 VND tương đương 57,46%.
  + Người lao động: 2.563.000.000 VND tương đương 5,12%.
  + Cổ đông khác: 18.710.000.000 VND tương đương 37,42%.
- Vốn chủ sở hữu hiện có đến cuối Quý II/2020: 53.314.792.585 đồng.

A. TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Sau khi có ý kiến chỉ đạo của Bộ Công Thương theo Công văn số 4579/BCT-CN ngày 24/6/2020 về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 (Đại hội) của CTCP-Viện Nghiên cứu Dệt May (Công ty), Bộ phận đại diện vốn Nhà nước tại Công ty đã tiến hành triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức & hoạt động của Công ty.

Đại hội đã được tổ chức vào Thứ sáu, ngày 26/6/2020.

Nội dung chính tại Đại hội, tập trung thảo luận, bàn bạc:

Đại hội đã thảo luận và thông qua các nội dung báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2019 & phương hướng SXKD năm 2020 của Giám đốc Công ty; Báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) về giám sát & kết quả hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh năm 2019 & kế hoạch hoạt động năm 2020; Báo cáo của Ban Kiểm soát (BKS) năm 2019.

Đại hội đã tiến hành bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023 theo Công văn 4184/BCT-TCCB ngày 10/6/2020 của Bộ Công Thương về việc miễn nhiệm chức danh Trưởng BKS và giới thiệu để ĐHĐCĐ bầu bổ sung Kiểm soát viên, Trưởng BKS nhiệm kỳ 2018-2023.

Đại hội đã biểu quyết thông qua các Tờ trình ĐHĐCĐ về: Kết quả hoạt động SXKD 2019 và kế hoạch SXKD 2020; Phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2019 và thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2020; Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

II. Hội đồng quản trị:

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

Stt	*Thành viên HĐQT*	*Chức vụ*	*Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT*	*Số lần họp*	*Tỷ lệ tham dự (%)*
1	Ông Phạm Văn Lượng	Chủ tịch	20/9/2018	01	100
2	Bà Nguyễn Diệp Linh	Thành viên	20/9/2018	01	100
3	Bà Bùi Thị Thái Nam	Thành viên	20/9/2018	01	100
4	Ông Vũ Huy Đông	Thành viên	20/9/2018	01	100
5	Ông Nguyễn Văn Thông	Thành viên	20/9/2018	01	100

Mức thù lao :

Chủ tịch HĐQT: 20.000.000 đồng/tháng.

Thành viên HĐQT(không chuyên trách): 1.000.000 đồng/tháng.

Thư ký Công ty: 500.000 đồng/tháng.

Do tình hình dịch bệnh, cuộc họp HĐQT quý I được tổ chức vào ngày 06/5/2020. Tại cuộc họp đã thông qua các nội dung: Quyết toán năm 2019 đã được Bộ Công Thương phê duyệt; Kế hoạch SXKD năm 2020; Các nội dung để chuẩn bị cho ĐHĐCĐ thường niên năm 2020; Báo cáo kết quả hoạt động quí I năm 2020 và kế hoạch triển khai các hoạt động của quí tiếp theo; Công tác quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021 – 2026.

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

2.1 Công tác chỉ đạo thực hiện kế hoạch SXKD: Căn cứ vào Nghị quyết của ĐHĐCĐ thống nhất thông qua kế hoạch SXKD năm 2020, HĐQT đã giao cho Bộ phận điều hành công ty thực hiện, trong đó tập trung vào các hoạt động cốt lõi của công ty đó là:

Về nghiên cứu khoa học công nghệ (KHCN)

- Các đề tài nghiên cứu khoa học phải tập trung vào chất lượng của các đề tài dự án, lập kế hoạch triển khai cho đảm bảo chất lượng và hiệu quả.
- Giao Ban Giám đốc chỉ đạo Trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn và Chuyển giao công nghệ cùng các cán bộ có khả năng nghiên cứu thuộc các đơn vị khác trong Công ty tham gia đề xuất các nhiệm vụ khoa KHCN cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Sở. Các đề tài dự án của ngành là phải có tính mới, tính ứng dụng cao cho các doanh nghiệp, ngoài ra còn tham gia các nhiệm vụ mang tính chiến lược của ngành khi Bộ yêu cầu.

Về dịch vụ thử nghiệm và giám định:

- Giao bộ phận điều hành Công ty cân đối kế hoạch, giao cho các Trung tâm thí nghiệm Dệt May, Trung tâm Giám định & Chứng nhận sản phẩm tại Hà Nội và TP. HCM: Kế hoạch phải tăng so với cùng kỳ năm trước là từ 15-20% và đảm bảo vượt doanh thu theo kế hoạch đã được thông qua.
- Tập trung nghiên cứu phát triển các phương pháp thử và các phép thử mới đáp ứng được một số tiêu chuẩn của Mỹ, EU, Nhật.
- Tập trung giữ vững và phát triển mở rộng tiếp các phép thử của khách hàng Decathlon.
- Thực hiện thử nghiệm liên phòng với các phòng thử nghiệm nước ngoài, tiếp cận và hợp tác tốt với Katri (Hàn Quốc), Nagase (Nhật Bản).
- Tăng cường, quảng bá, marketing với các doanh nghiệp dệt may trong nước để thu hút khách hàng.
- Thực hiện đầu tư bổ sung các thiết bị thí nghiệm đảm bảo hiệu quả, đáp ứng yêu cầu.

Về SXKD và dịch vụ kỹ thuật

- Tập trung sản xuất các loại sợi nontwist, các sợi có tính năng cao như sợi tre, sợi AC và các loại vải tre, pha tre và các sản phẩm có tính ưu việt từ sản phẩm của các đề tài, dự án.

2.2 Công tác quản trị Công ty

- Về tổ chức nhân sự, Công ty đã tinh gọn bộ máy từ lãnh đạo Công ty cho đến các Phòng Ban, Trung tâm với phương châm một người kiêm nhiều việc, luôn tạo sức ép để các đơn vị để phấn đấu.

2.3 Công tác quản lý vốn tại Công ty

- Công tác quản lý vốn của Công ty thực hiện theo quyết định 4676/QĐ-BCT của Bộ Công Thương ngày 30 tháng 11 năm 2016 về việc Ban hành Quy chế quản lý Người đại diện vốn Nhà nước tại doanh nghiệp do Bộ Công Thương là cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước và theo Điều lệ hoạt động của Công ty.
- Thực hiện nghiêm túc bảo toàn vốn Nhà nước mà Bộ Công Thương giao cho Bộ phận đại diện vốn Nhà nước tại Công ty quản lý.

3. Các Nghị quyết của HĐQT:

Stt.	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	297NQ/HĐQT-VTRI	06/5/2020	Thông qua: Quyết toán năm 2019 đã được Bộ Công Thương phê duyệt; Kế hoạch SXKD năm 2020; Các nội dung để chuẩn bị cho ĐHĐCĐ thường niên năm 2020; Báo cáo kết quả hoạt động quý I năm 2020 và kế hoạch triển khai các hoạt động của quí tiếp theo; Công tác quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021 – 2026.

III. Ban kiểm soát

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

Stt	*Thành viên BKS*	*Chức vụ*	*Ngày bắt đầu là thành viên BKS*	*Ghi chú*
1	Bà Phạm Hoàng Minh	Trưởng Ban	01/7/2020	
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Uyên	Thành viên	20/9/2018	
3	Bà Trần Thị Quỳnh Hoa	Thành viên	20/9/2018	

Mức thù lao :

Trưởng Ban kiểm soát: 1.000.000 đồng/tháng.

Thành viên Ban kiểm soát: 500.000 đồng/tháng.

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc và cổ đông:

Hàng tuần Trưởng BKS thay mặt BKS họp giao ban với Chủ tịch HĐQT và Ban điều hành. Tại mỗi buổi họp Trưởng BKS đều có ý kiến riêng của mình về từng vấn đề trong buổi họp, góp phần cùng HĐQT và cơ quan điều hành chấp hành nghiêm chỉnh Nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ, Qui chế của Công ty và Pháp luật của Nhà nước cũng như góp ý kiến để tối ưu quá trình điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Hàng tuần, Trưởng BKS đều tham dự họp giao ban với Chủ tịch HĐQT và cơ quan điều hành nên BKS có sự phối hợp tương đối chặt chẽ. Ngoài việc của BKS, Trưởng BKS theo đề nghị của HĐQT còn tham gia vào một số công việc của Ban điều hành như: Tham gia giải quyết các công việc về đất đai, về tiền thuê đất, miễn tiền thuê đất của Công ty và công việc bàn giao từ Viện Dệt May sang CTCP.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 đạt lợi nhuận là 1 tỷ 234 triệu đồng. Trong điều kiện ảnh hưởng của dịch Covid, kết quả này phản ánh một phần sự nỗ lực vượt khó của tập thể CBCNV của Công ty.

Về công tác tài chính kế toán, Công ty đã tuân thủ luật pháp trong các hoạt động SXKD. Nghiêm chỉnh chấp hành việc kê khai và nộp thuế đầy đủ, đúng hạn cho Ngân sách Nhà nước cũng như việc kê khai, thanh toán đầy đủ, đúng hạn trong việc chi trả Tiền lương cho CBCNV và đóng đầy đủ BHXH, BHYT phát sinh trong kỳ.

Về chi phí trong kỳ Công ty đã trích đủ khấu hao TSCĐ theo qui định và hạch toán hơn 50% tiền thuê đất dự kiến nộp trong kỳ.

IV. Đào tạo về quản trị công ty: Không có.

V. Danh sách về người có liên quan của công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty:

1. Danh sách về người có liên quan của công ty: Không có.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có))	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH.*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có.

STT	Tên tổ chức /cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch	Ghi chú

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/ NSH*:*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: Không có.

Stt	Người thực hiện giao	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTN	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp,	Địa chỉ	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm	Thời điểm giao dịch	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao	Ghi chú

	dịch		Y	nơi cấp		quyền kiểm soát		dịch	

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác: Không có.

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành

VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm): Không có.

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Stt	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	(Tên người nội bộ)							
	Tên người có liên quan của người nội bộ							

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết: Không có.

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD QUÝ II NĂM 2020

I. Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính và hoạt động của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	*Số đầu năm 01/01/2020*	*Số cuối kỳ 30/6/2020*
I. Tài sản ngắn hạn	**47.195**	**60.475**
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	6.301	5.316
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.573	20.874

3. Các khoản phải thu ngắn hạn	26.921	30.839
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi		
4. Hàng tồn kho	2.916	2.954
5. Tài sản ngắn hạn khác	484	401
II. Tài sản dài hạn	**27.209**	**24.510**
1. Các khoản phải thu dài hạn		
2. Tài sản cố định	27.209	24.474
- Tài sản cố định hữu hình	27.168	24.474
- Tài sản cố định thuê tài chính		
- Tài sản cố định vô hình	41	36
3. Bất động sản đầu tư		
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
5. Đầu tư tài chính dài hạn		
Trong đó: - Đầu tư vào công ty con		
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		
6. Tài sản dài hạn khác		
III. Nợ phải trả	**13.844**	**19.105**
1. Nợ ngắn hạn	13.844	19.105
Trong đó: Nợ quá hạn		
2. Nợ dài hạn		
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	**60.560**	**65.880**
1. Vốn của chủ sở hữu	52.080	53.315
Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000	50.000
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	8.480	12.565
V. Kết quả kinh doanh		
1. Tổng doanh thu - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV		
- Doanh thu hoạt động tài chính		
- Thu nhập khác		
2. Tổng chi phí		
Giá vốn hàng bán		
Chi phí tài chính		
Chi phí bán hàng		
Chi phí quản lý		
3. Tổng lợi nhuận trước thuế		
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		
VI. Chỉ tiêu khác		
1. Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách		
Trong đó: Các loại thuế		
2. Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (%)		2,4%

3. Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)		38%

II. Phân tích, đánh giá:

1. Tình hình và kết quả kinh doanh: Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch: Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận,... những yếu tố thuận lợi và khó khăn:

1.1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	*Nội dung*	*Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020*	*Kế hoạch năm 2020*	*% so với KH*
1	**Giá trị hợp đồng kinh tế**			
2	**Tổng Doanh thu và thu nhập khác**	**30.327**	**61.000**	**49.7**
2.1	Doanh thu bán hàng	29.958		
2.2	Doanh thu hoạt động tài chính	369		
2.3	Thu nhập khác			
3	**Tổng chi phí, trong đó:**	**29.093**	**58.093**	
	- Giá vốn hàng bán	22.144	46.593	22,5
	- Chi phí tài chính	8		
	- Chi phí bán hàng	56		
	- Chi phí quản lý	6.846		
	- Chi phí khác	*38*		
4	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**	**1.234**	**2.907**	**42.4**
5	**Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp**		**407**	
6	**Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**1.234**	**2.500**	**49.4**

1.2. Những khó khăn: Trong 6 tháng đầu năm 2020, Công ty đã gặp những khó khăn như sau:

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh chung của toàn Công ty. Xưởng xe sợi phải giảm công suất và đóng cửa từ đầu tháng 4/2020. Các khách hàng thử nghiệm cũng như chứng nhận giảm mạnh, các nước tạm cấm xuất, nhập khẩu hàng dệt may đồng thời các doanh nghiệp sản xuất trong nước cũng giảm mạnh và một số nhà máy phải dừng sản xuất;
- Chưa thực hiện xong việc bàn giao vốn giữa Viện Dệt May và Công ty do đó ảnh hưởng đến hoạt động chung của Công ty;
- Cơ sở vật chất (thiết bị máy móc, nhà xưởng) của Công ty xuống cấp, chưa có nguồn tài chính để nâng cấp;
- Kết quả họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đã đặt ra mục tiêu tăng lợi nhuận từ 1,751 tỷ đồng lên 2,5 tỷ đồng và tỷ lệ chia cổ tức năm 2020 là 5%. Đây là các chỉ tiêu khá cao trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến khó lường cho ngành dệt may.

2. Tình hình thực hiện đầu tư: Không có.

3. Tình hình quản lý sử dụng và bảo toàn vốn góp của nhà nước:

- Vốn chủ sở hữu của Công ty đến thời điểm 30/6/2020 là: 53.314.792.585 đồng, gồm:

+ Vốn góp của chủ sở hữu: 50.000.000.000 đồng.

+ Thặng dư vốn cổ phần: 3.314.792.585 đồng.

+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 3.314.792.585 đồng.

- Hệ số bảo toàn vốn đến ngày 30/6/2020 là: 1,31 *(= (Tổng tài sản - Nợ phải trả)/ Vốn đầu tư của chủ sở hữu*), thể hiện Công ty vẫn bảo toàn được vốn.

4. Đánh giá chung:

Trong Quý II của năm 2020, do tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến khó lường gây khó khăn cho tất cả các ngành nghề, trong đó có ngành dệt may, tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban điều hành Công ty cùng tập thể CBCNV vẫn nỗ lực trong mọi hoạt động để cố gắng đạt được kết quả doanh thu theo kế hoạch đã thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

5. Kế hoạch thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2020:

- Tập trung vào các hoạt động cốt lõi của công ty: Nghiên cứu khoa học, dịch vụ thử nghiệm, chứng nhận và tăng cường sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ nghiên cứu khoa học công nghệ.

-Đề xuất cơ chế khuyến khích nhằm thúc đẩy cácTrung tâm Thí nghiệm; Trung tâm giám định, chứng nhận sản phẩm tăng doanh thu để tăng lợi nhuận.

- Tiếp tục rà soát sắp xếp lại các đơn vị trong công ty, bố trí lao động cho phù hợp với khả năng, trình độ chuyên môn của cán bộ, mời các chuyên gia lĩnh vực dệt, sợi, nhuộm,… tham gia vào các hoạt động của công ty.

- Tăng cường marketing dịch vụ khách hàng, phát triển các phép thử, phương pháp thử mới đáp ứng với yêu cầu trong nước và thế giới.

- Thực hiện quyết toán, hoàn tất việc chuyển doanh nghiệp thành công ty cổ phần;

- Chuyển quyền sử dụng đất từ Viện Dệt May sang CTCP- Viện Nghiên cứu Dệt May, có hợp đồng thuê đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty tại Hà Nội và TP.HCM. Làm các thủ tục xin miễn tiền thuê đất cho công ty theo quy định.

- Thoái vốn phần vốn Nhà nước: Thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Công Thương.

6. Giải pháp thực hiện

6.1 Giải pháp về thị trường

- Duy trì và mở rộng thị trường cung cấp dịch vụ kỹ thuật về thử nghiệm, giám định, chứng nhận, hiệu chuẩn, kiểm định các sản phẩm dệt may, da giày, giấy và các sản phẩm tiêu dùng khác; chăm sóc, giữ chân khách hàng cũ, mở rộng và tìm kiếm khách hàng mới; Xây dựng chính sách hợp lý đối với khách hàng tiềm năng, khách hàng thân thiết, khách hàng chuỗi;

- Duy trì và mở rộng thị trường khách hàng lĩnh vực tư vấn, thẩm định, thiết kế công nghệ, dây chuyền thiết bị sản xuất ngành dệt may;

- Duy trì, mở rộng thị trường, khách hàng tiêu thụ các sản phẩm là kết quả NCKH về sản phẩm mới, sản phẩm có chức năng đặc biệt trong ngành dệt may.

6.2 Giải pháp về tổ chức, quản lý

- Giám sát hoạt động của các đơn vị, điều hành phối hợp sự hợp tác giữa các đơn vị trong Công ty, kịp thời phát hiện rủi ro để có các biện pháp ngăn chặn;
- Rà soát, tiết giảm chi phí quản lý, chi phí kinh doanh, các định mức kinh tế kỹ thuật; yêu cầu các bộ phận xây dựng kế hoạch chi tiết về từng khoản mục với mức tiết giảm cụ thể và phổ biến đến từng CBCNV để phấn đấu thực hiện;
- Bố trí sắp xếp nguồn nhân lực hợp lý, hiệu quả theo hướng khuyến khích để CBCNV phát huy tốt khả năng, năng lực của từng cá nhân và đơn vị bộ phận;
- Tăng cường hiệu quả khai thác, sử dụng các cơ sở vật chất, thiết bị máy móc, nguồn lực cán bộ KHCN. Ứng dụng IT để tăng năng suất lao động, quản lý chặt chẽ, chính xác, phản ứng nhanh.

6.3 Giải pháp lao động

- Có chính sách thu hút người có tài đức làm việc, gắn bó lâu dài với Công ty;
- Nâng cao trách nhiệm, phân quyền cho trưởng các đơn vị;
- Phân phối tiền công theo mức đóng góp của từng đơn vị, cá nhân; Xây dựng chính sách tiền lương, thu nhập thực sự trở thành đòn bẩy cho phát triển nguồn nhân lực chất lượng;
- Kịp thời động viên, khuyến khích khen thưởng, xử phạt đúng đối tượng tạo niềm tin, khích lệ người lao động phát huy hết năng lực phục vụ cho lợi ích của Công ty.

III. Đề nghị:

Để có thể hoạt động ổn định trong thời gian tới theo đúng định hướng phát triển, CTCP – Viện Nghiên cứu Dệt May kính đề nghị Bộ Công Thương xem xét, hỗ trợ Công ty trong các công tác sau đây:

- Có văn bản gửi Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp hoàn trả lại cho Công ty số tiền mà Viện Dệt May đã nộp quá là: 8.701.270.510 đồng để công ty có vốn hoạt động.
- Tiếp tục hỗ trợ Công ty, giao các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ, đề xuất các chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn, định hướng phát triển ngành dệt may,… đáp ứng các yêu cầu của các Hiệp định EVFTA, thị trường Mỹ, Nhật,…

Trân trọng./.

TM. BỘ PHẬN ĐẠI DIỆN QUẢN LÝ VỐN
PHỤ TRÁCH NHÓM
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

Phạm Văn Lượng

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, BKS, GĐ Cty (để ph/h);
- Lưu VT.